TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2018
V/v *"Không công nhận là vợ chồng Tranh chấp nuôi con "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên.
2. Bà Lê Thị Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, về "Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972. Địa chỉ: 80/72/4 đường T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1970. Địa chỉ: 80/72/4 đường T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2018, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà Nguyễn Thị K và ông Trương Văn H sau một thời gian tìm hiểu rồi đi đến sống chung với nhau từ tháng 12 năm 1992, bà K, ông H về ở chung với nhau mà không có đăng ký kết hôn vì ông, bà đã cùng nhau đến Ủy ban nhân dân phường Diên Hồng đi đăng ký kết hôn nhưng không được chấp nhận vì ông Trương Văn H bị mất giấy khai sinh nên Uỷ ban nhân dân phường không cho đăng ký kết hôn, nên bà K, ông H cứ sống với nhau từ đó cho đến nay.

Thời gian đầu sống chung với nhau thì hạnh phúc nhưng đên năm 2007 thì bắt

đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông H thường xuyên uống rượu về đánh vợ con, không chịu lo đi làm và hiện nay ông H đã nghiện rượu nặng không kiểm soát được hành vi. Bà K cùng với gia đình hai bên đã động viên khuyên bảo ông H nhưng ông H không thay đổi mà ngày càng nghiện ngập nặng hơn. Bà K thấy tình cảm không còn, không thể chịu đựng và sống chung với ông H nữa nên yêu cầu được Tòa án không công nhận là vợ chồng với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Trương Nguyễn Minh L, sinh ngày 17/8/1993, cháu Trương Nguyễn Hồng L, sinh ngày 27/9/1995 và cháu Trương Văn C, sinh ngày 27/5/2005.

Hiện nay cháu Trương Minh L và cháu Trương Hồng L đã trưởng thành, có gia đình nên không yêu cầu về nuôi dưỡng. Bà K có nguyện vọng được nuôi cháu Trương Văn C.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Trương Văn H mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà K và ông H sống chung với nhau từ năm 1992 đến nay mà không có đăng ký kết hôn, đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn và bà K yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với ông H là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

- Con chung: Có 03 con chung là cháu Trương Nguyễn Minh L, sinh ngày 17/8/1993, cháu Trương Nguyễn Hồng L, sinh ngày 27/9/1995 và cháu Trương Văn C, sinh ngày 27/5/2005. Hiện nay cháu Trương Minh Ln và cháu Trương Hồng L đã trưởng thành, có gia đình nên không yêu cầu về nuôi dưỡng nên không xem xét. Giao con chung là cháu Trương Văn C cho bà K nuôi dưỡng là có căn cứ. Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Bà K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị K có đơn yêu cầu tòa án giải quyết Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con với ông Trương Văn H, có địa chỉ: 80/72/4 đường T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là ông Trương Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa bà K với ông ông H.

Bà K và ông H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã có 03 con chung và sau đó phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35 của Quốc hội, ban hành ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân gia đình, thì việc sống chung với nhau như vợ chồng giữa bà Khuyên và ông Huy thuộc trường hợp "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Nên yêu cầu của bà K được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là cháu Trương Nguyễn Minh L, sinh ngày 17/8/1993, cháu Trương Nguyễn Hồng L, sinh ngày 27/9/1995 và cháu Trương Văn C, sinh ngày 27/5/2005. Hiện nay cháu Trương Minh L và cháu Trương Hồng L đã trưởng thành, có gia đình nên không yêu cầu về nuôi dưỡng. Bà K có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Trương Văn C, đối với ông H không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng muốn được nuôi con. Với điều kiện hiện nay thì việc giao cháu C cho bà K chăm sóc, nuôi dưỡng thì đảm bảo quyền lợi của cháu C hơn, đồng thời yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C là muốn ở với bà K. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của bà K là có cơ sở nên chấp nhận.

[4]Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

[5]Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Bà K là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm b, khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ: Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị K với ông Trương Văn H.

- Về con chung: Có 03 con chung là cháu Trương Nguyễn Minh L, sinh ngày 17/8/1993, cháu Trương Nguyễn Hồng L, sinh ngày 27/9/1995 và cháu Trương Văn C, sinh ngày 27/5/2005. Hiện nay cháu Trương Minh L và cháu Trương Hồng L đã trưởng thành, có gia đình nên không yêu cầu về nuôi dưỡng.

Giao con chung là cháu Trương Văn C, sinh ngày 27/5/2005 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền mà bà Nguyễn Thị K đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003452 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vậy bà Nguyễn Thị K đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 28 tháng 10 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường Nhi với bị đơn là anh Trần Quang Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người thạm gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường Nhi.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường Nhi được ly hôn với anh Trần Quang Vinh.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường Nhi được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường Nhi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử

phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**